



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Điện lực 3

Ngày 31/03/2025	23,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	16.8%	16.8%	-4.2%

DT thuần Q1/25
41.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.2 -19.8%
YoY: ▲ 10.8 35.7%

LN thuần Q1/25
21.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00 5.0%
YoY: ▲ 9.00 70.7%

LN sau thuế Q1/25
17.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00 -14.8%
YoY: ▲ 6.10 53.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
54.3%
YoY: +/- ▼ 4.2%

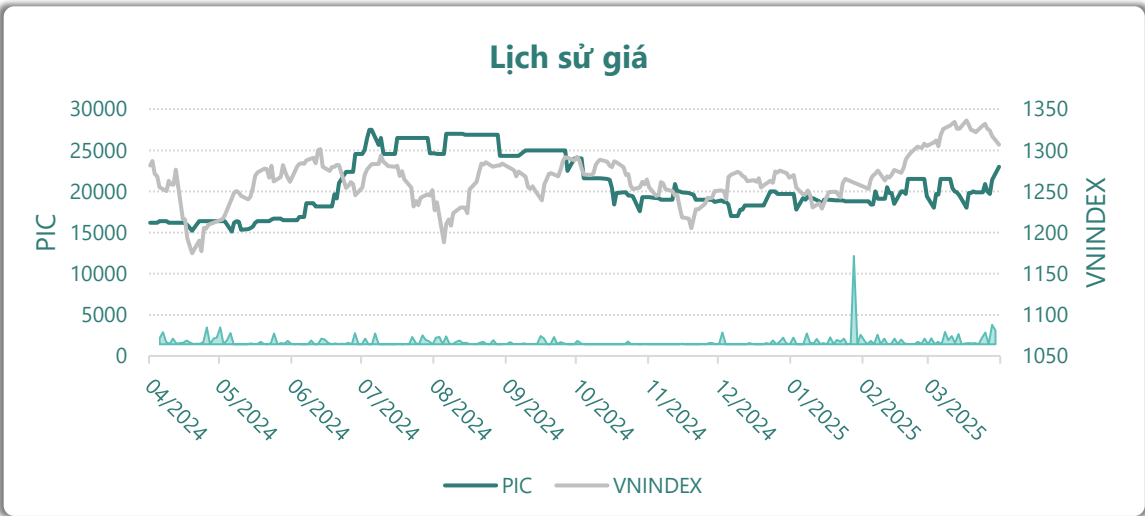
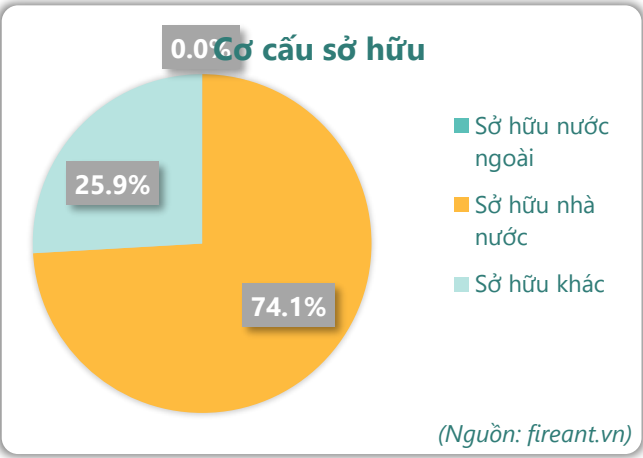
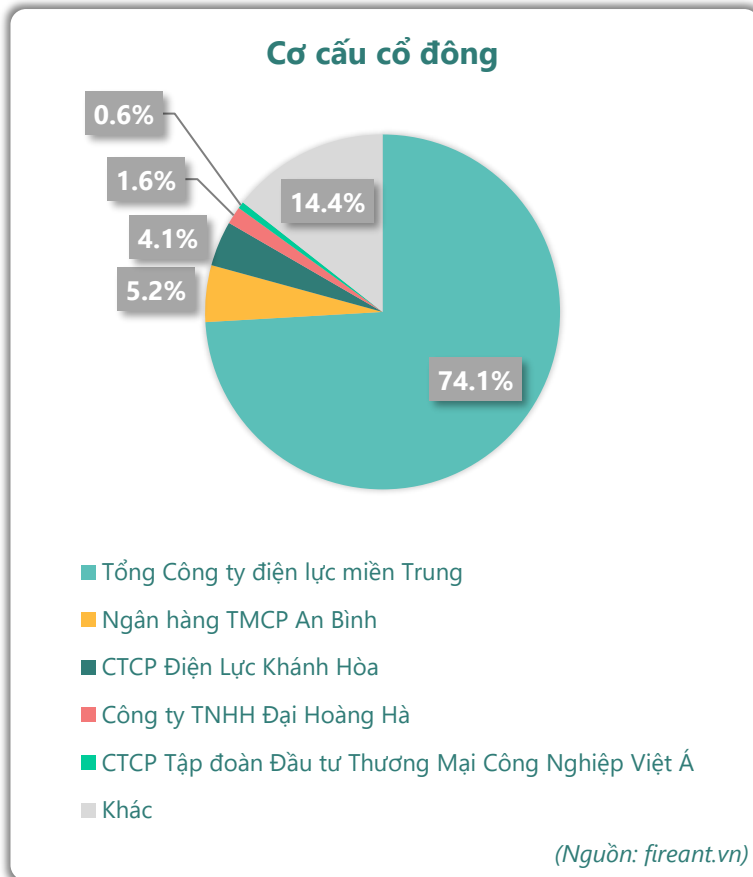
ROE (TTM) Q1/25
10.1%
YoY: +/- ▲ 1.3%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	15,119 - 27,489
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	767
Số lượng CPLH (CP)	33,339,891
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,570
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	
EPS	1,142
P/E	20.1

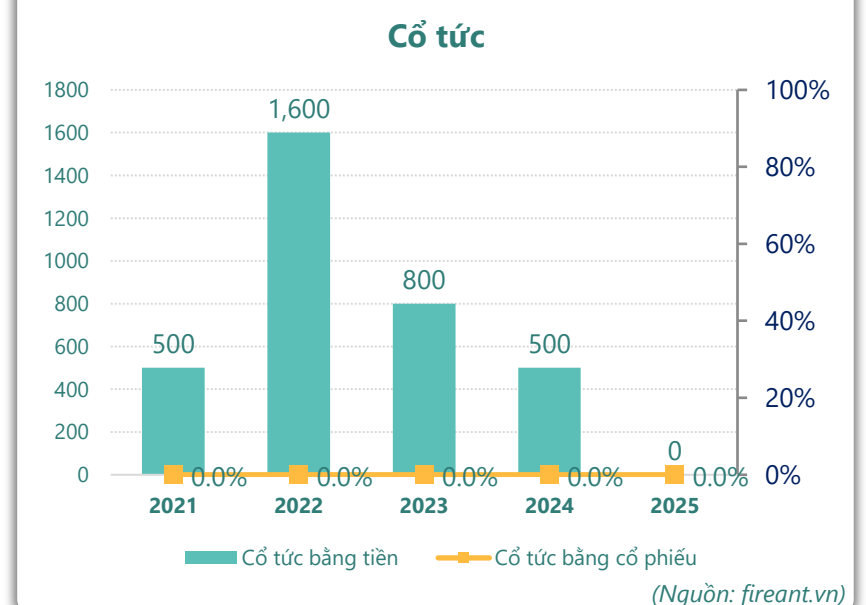
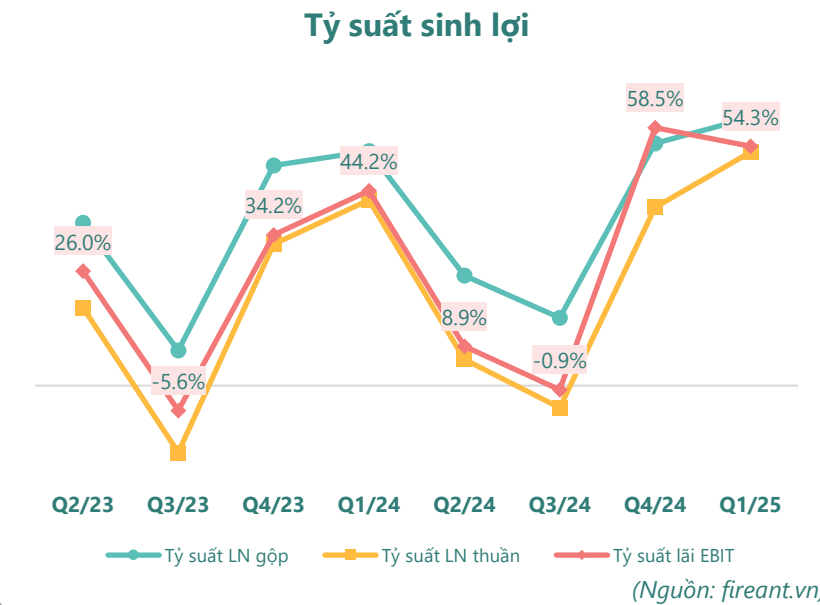
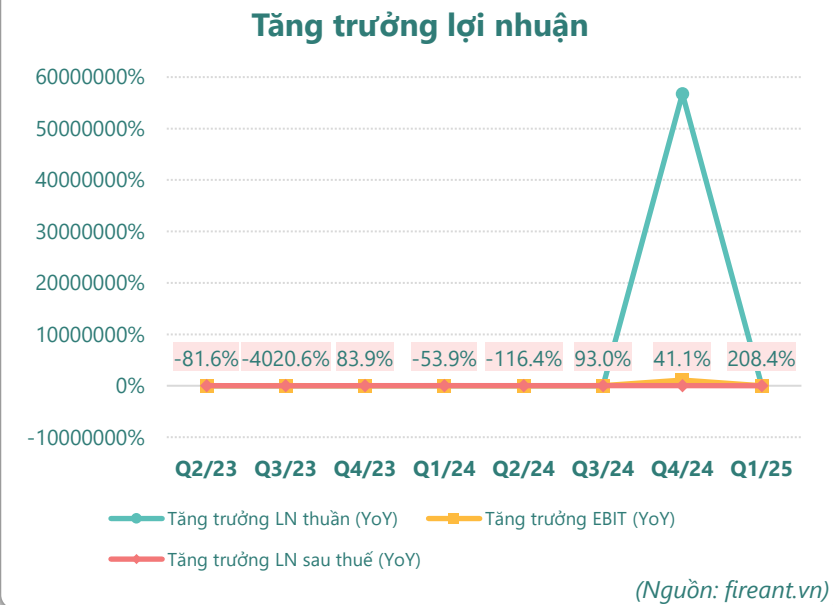
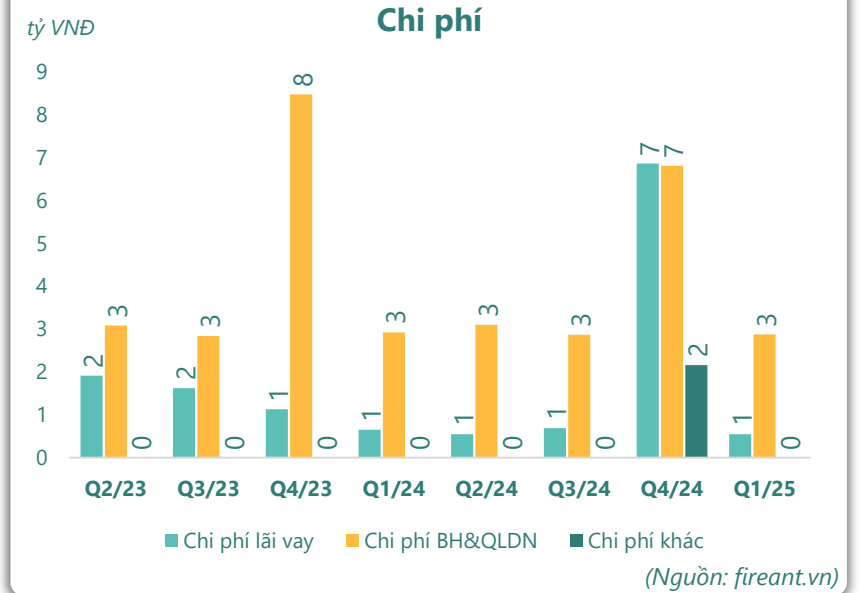
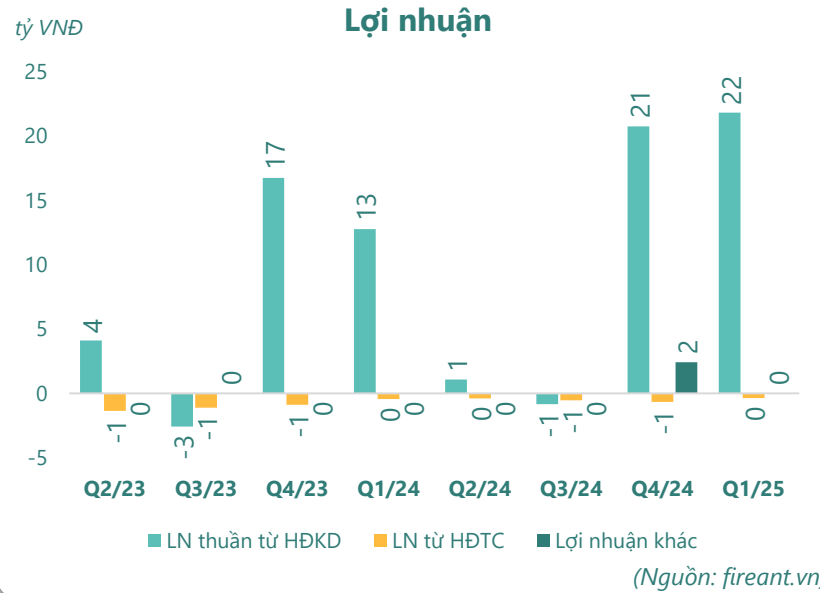
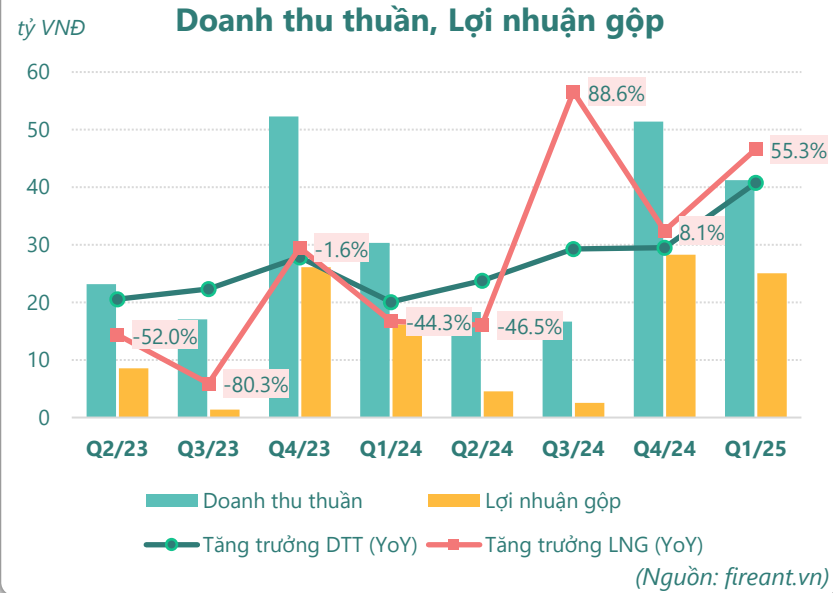
DT thuần 2024
117
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.0 -15.3%

LN thuần 2024
34.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼8.40 -19.5%

LN sau thuế 2024
32.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.00 -15.6%



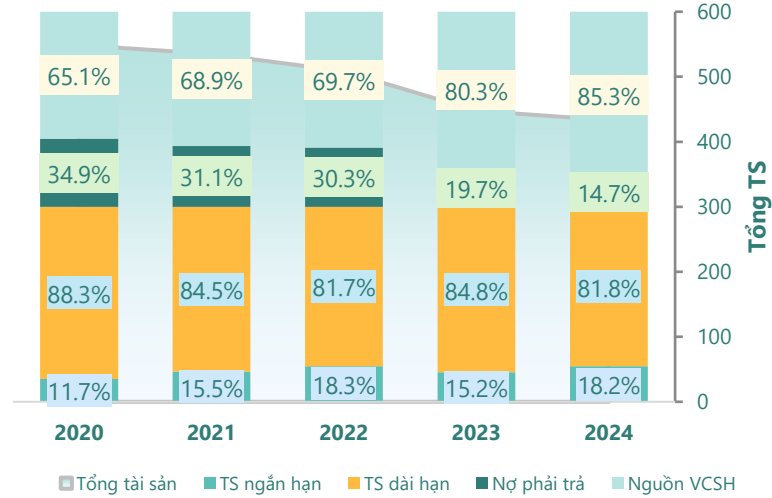
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

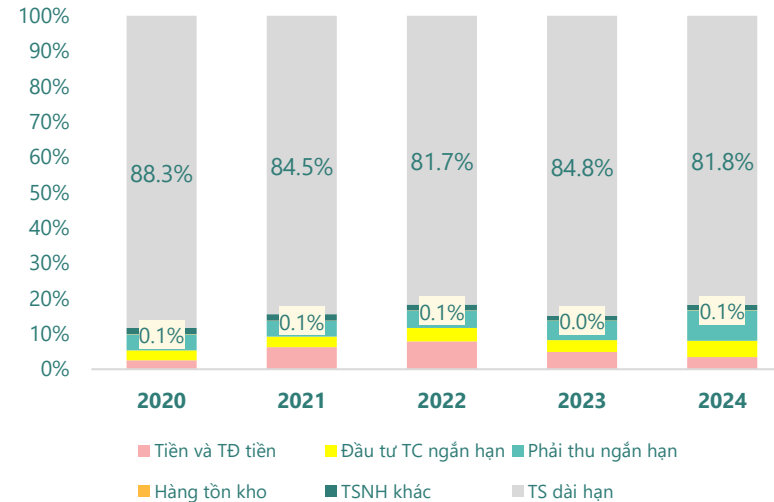
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

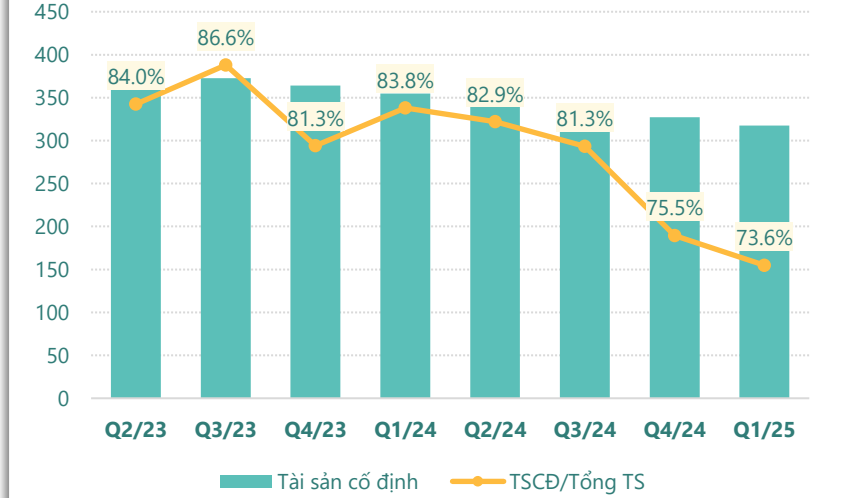
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

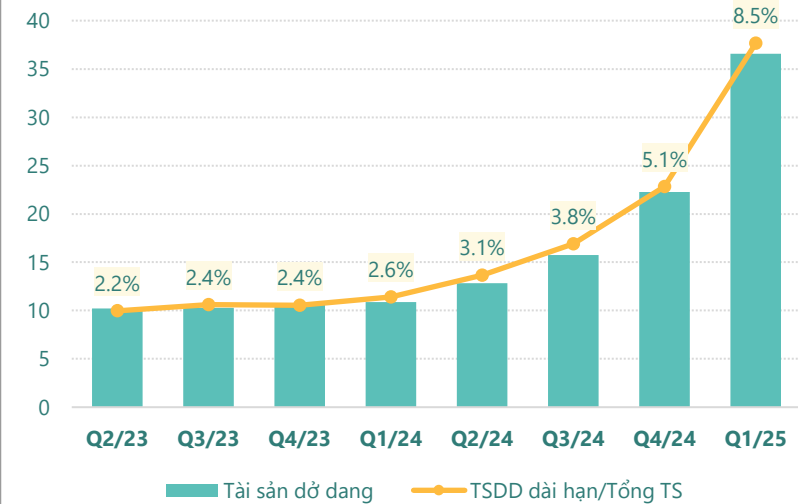
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

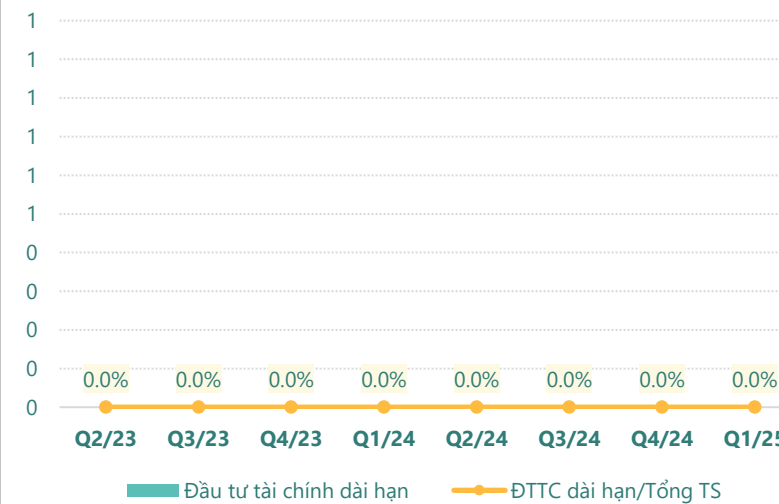
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

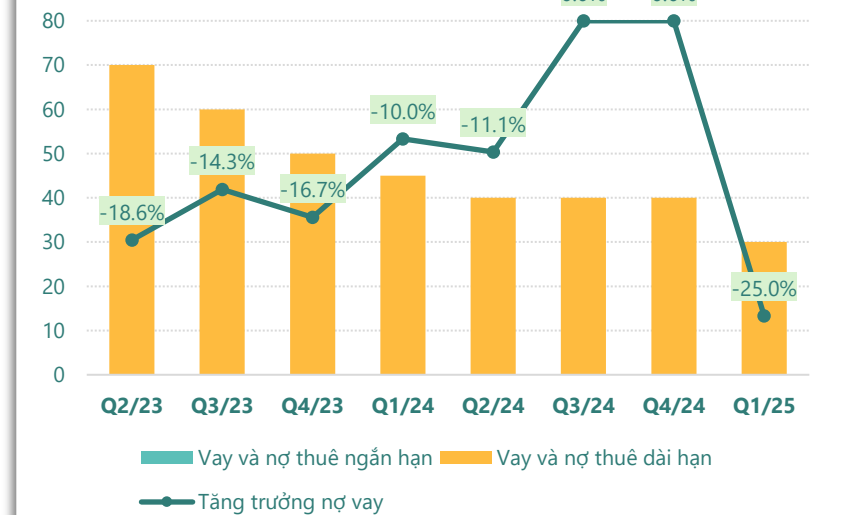
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

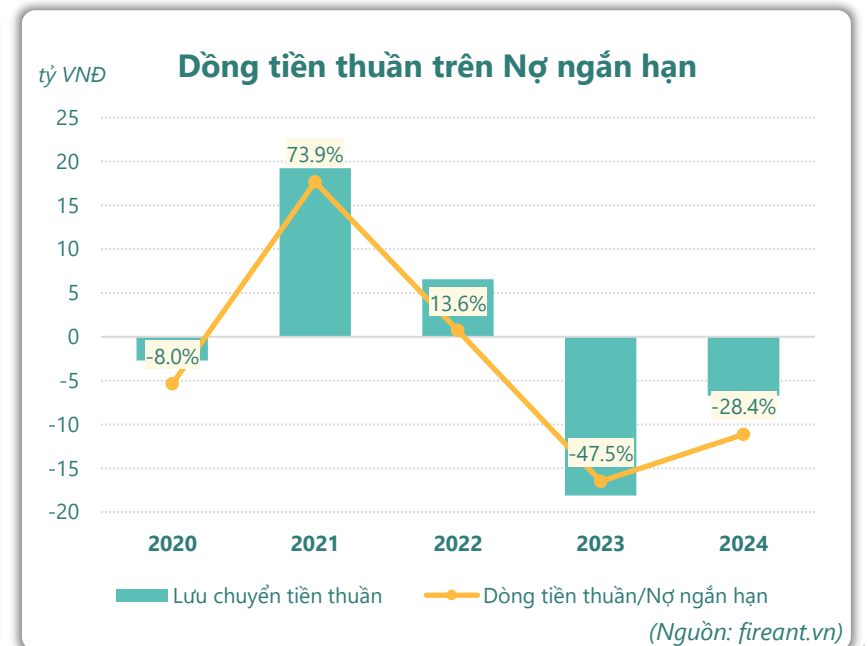
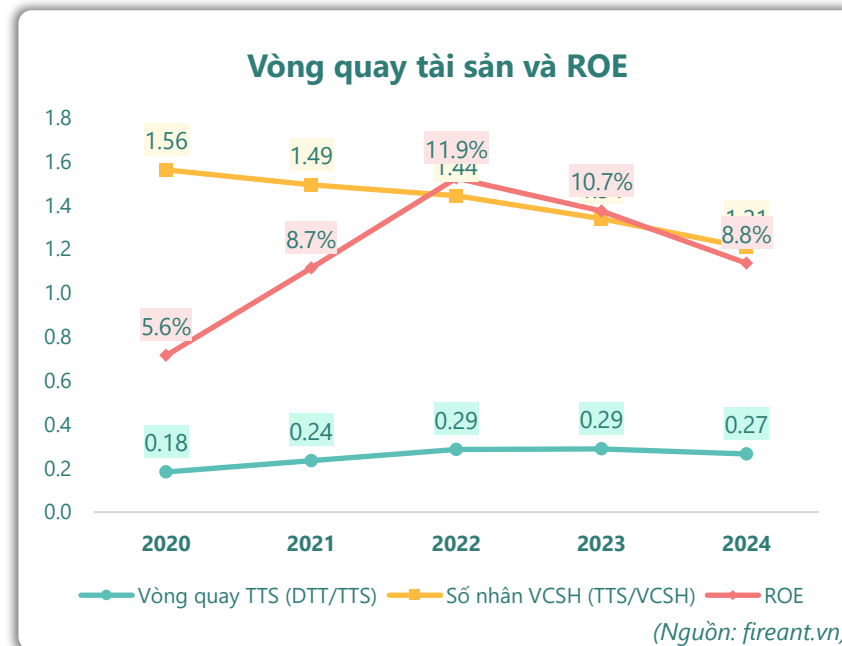
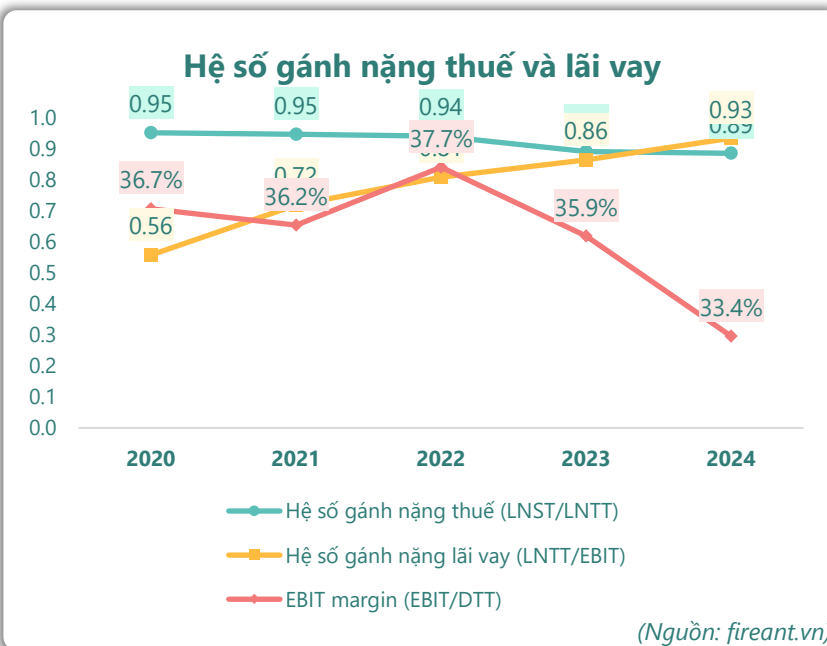
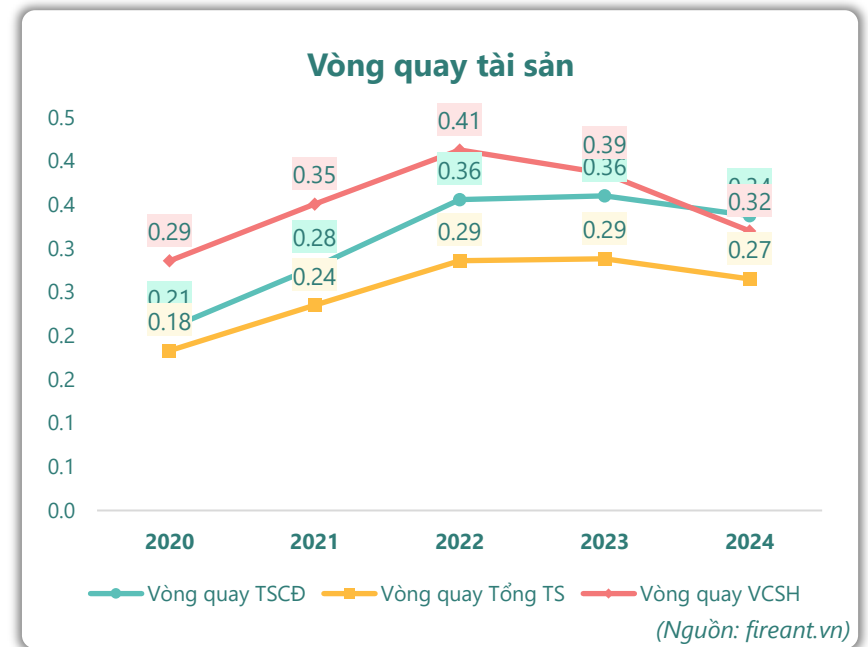
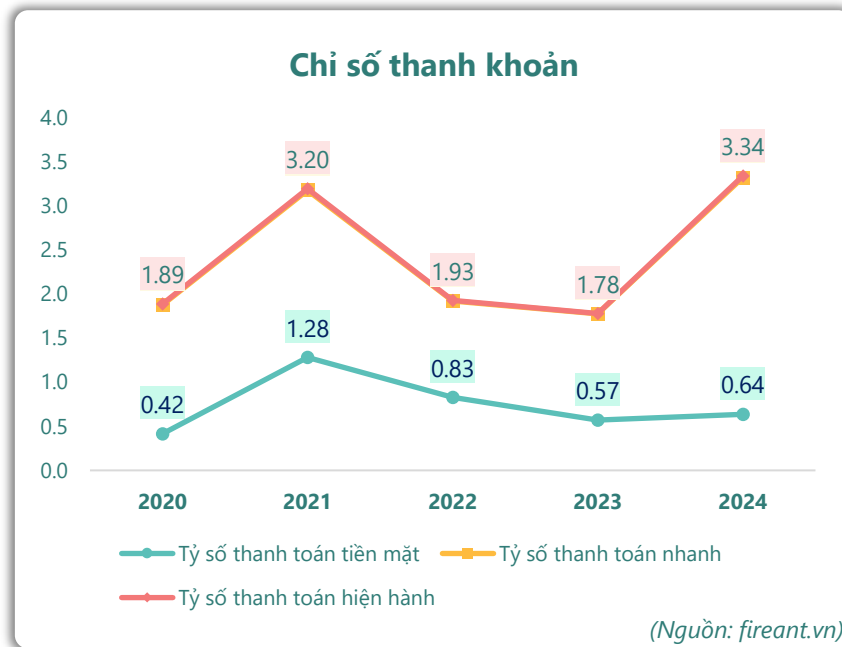
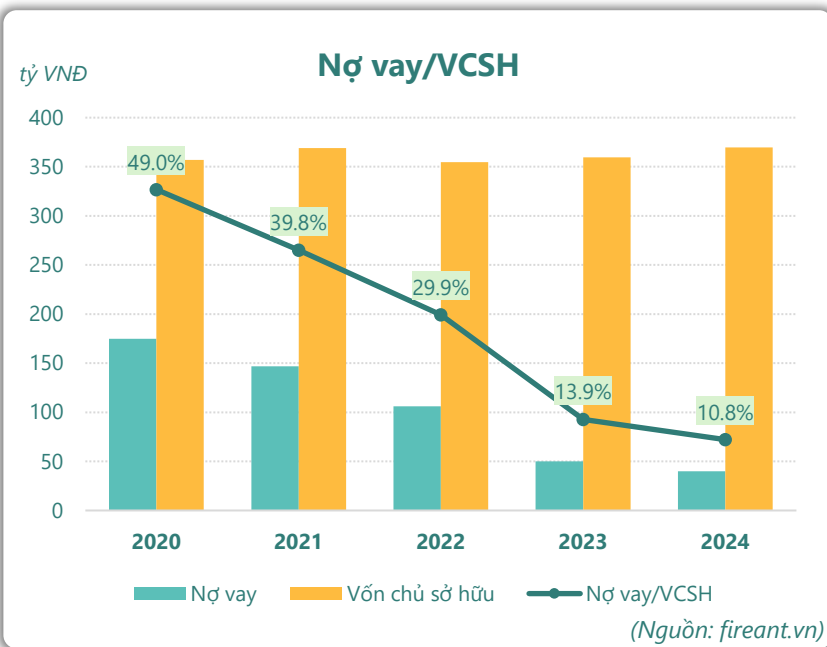
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	41.2	30.4	35.7%	117	138	-15.3%
Giá vốn hàng bán	16.2	14.2	13.8%	65.0	72.1	-9.9%
Lợi nhuận gộp	25.1	16.1	55.8%	51.7	65.7	-21.3%
Doanh thu HĐTC	0.19	0.20	-6.5%	0.58	1.67	-65.2%
Chi phí TC	0.54	0.65	-16.3%	2.61	6.74	-61.2%
Chi phí lãi vay	0.54	0.65	-16.3%	2.57	6.74	-61.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.88	2.92	-1.5%	15.3	17.9	-14.5%
LN thuần từ HĐKD	21.8	12.8	70.7%	34.4	42.8	-19.5%
Lợi nhuận khác	0	0.00		1.93	0.00	258460%
LN trước thuế	21.8	12.8	70.7%	36.4	42.8	-15.0%
Lợi nhuận sau thuế	17.4	11.3	53.8%	32.2	38.2	-15.6%
LNST của CĐ cty mẹ	17.4	11.3	53.8%	32.2	38.2	-15.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	24.3	14.2	16.4	1.01	33.6	12.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.34	-1.82	-8.30	-9.79	-8.90	-8.89
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.0	-21.5	-5.07	-2.07	-14.4	-10.0
Tiền đầu kỳ	8.83	21.8	12.7	15.7	4.83	15.1
Lưu chuyển tiền thuần	13.0	-9.12	3.00	-10.9	10.2	-6.51
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	21.8	12.7	15.7	4.83	15.1	8.56

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	431	433	-0.4%
Tài sản ngắn hạn	72.8	79.0	-7.8%
Tiền và tương đương tiền	8.56	15.1	-43.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	0.1%
Phải thu ngắn hạn	36.1	37.1	-2.8%
Hàng tồn kho	0.29	0.42	-31.0%
Tài sản ngắn hạn khác	7.85	6.38	23.1%
Tài sản dài hạn	359	354	1.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	318	327	-3.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.6	22.3	64.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.49	4.77	-5.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	44.4	63.7	-30.3%
Nợ ngắn hạn	14.4	23.7	-39.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.56	1.08	136%
Nợ dài hạn	30.0	40.0	-25.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.0	40.0	-25.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	387	370	4.7%
Vốn chủ sở hữu	387	370	4.7%
Vốn điều lệ	333	333	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

